

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**  
HD CAPITAL JSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: .....57...../2026/CV-HDCAP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026  
Ho Chi Minh City, April 17<sup>th</sup>, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
State Securities Commission

Tên Công ty/ Company:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

HD Capital JSC

Tên giao dịch/ Trading Name

HDCapital

GP TL&HD số:

44/UBCK-GP do UBCKNBN cấp lần đầu ngày 24/11/2008, hay đổi tùy từng thời điểm

Establishment and Operation License No:

License 44/UBCK-GP was first issued by the State Securities Commission on November 24, 2008, and has been amended from time to time.

Địa chỉ trụ sở chính/ Head Office:

Lầu 7, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP.HCM.

7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel:

(84 28) 99986818

Người thực hiện CBTT:

Nguyễn Thành Long

Persons in charge of information disclosure

Nguyen Thanh Long

Chức danh/Title:

Tổng Giám đốc/ General Director

Loại thông tin công bố:

định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Types of disclosures

Periodic  Extraordinary  24h  Request

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần quản lý quỹ HD công bố:

Contents of disclosure:

HD Capital JSC hereby announces:

Báo cáo tài chính quý 1/2026/Quarterly financial report 1/2026

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2026 tại đường dẫn:  
<https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

This information was published on the company's website on April 17<sup>th</sup>, 2026 as in the link  
<https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attachments:*  
- Báo cáo tài chính quý 1/2026  
*Quarterly financial report 1/2026*

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CBTT**   
*PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*General Director*



**NGUYỄN THÀNH LONG**

Tp. HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD (Công ty) xin giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 1/2026 biến động trên 10% so với Quý 1/2025, cụ thể như sau: đvt: đồng

Chỉ tiêu	Quý 1.2026	Quý 1.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/(giảm)
Doanh thu	1,024,984,824	572,682,774	452,302,050	79%
Chi phí hoạt động	3,564,910,170	2,817,969,372	746,940,798	27%
Doanh thu hoạt động tài chính	649,237,202	283,264,557	365,972,645	129%
Chi phí tài chính	375,981,365	21,104	375,960,261	1.781.464%
Lợi nhuận sau thuế	(2,266,669,509)	(1,962,043,145)	(304,626,364)	n/a

- Doanh thu chính Quý 1/2026 của Công ty tăng hơn 452 triệu đồng, tương ứng tăng 79% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động quản lý quỹ tăng đáng kể ở quý 1 năm 2026 khi công ty đã thành lập được thêm quỹ các quỹ mới. Chi phí hoạt động tăng gần 747 triệu đồng, tương ứng tăng 27% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng chi phí nhân sự, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan đến vận hành quỹ mới trong quý I năm 2026. Doanh thu hoạt động tài chính tăng gần 366 triệu tương ứng tăng 129% nguyên nhân chủ yếu do thị trường chứng khoán quý 1/2026 tích cực hơn quý 1/2025.

- Chi phí tài chính Quý 1/2026 của Công ty tăng gần 376 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tăng trong quý 1/2026.

Do đó, lợi nhuận Quý 1/2026 của Công ty lỗ hơn 2 tỷ đồng, tăng lỗ gần 305 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Long

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	1/1/2026
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>	<b>A</b>			
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>19,873,441,986</b>	<b>38,679,991,797</b>
<b>1. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7.1</b>	<b>15,460,218,239</b>	<b>18,286,875,411</b>
- Tiền	111		8,404,963,455	9,286,875,411
- Tương đương tiền	112		7,055,254,784	9,000,000,000
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7.2</b>	<b>3,583,277,581</b>	<b>5,203,863,553</b>
- Đầu tư ngắn hạn	121		4,622,143,087	6,019,806,087
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,038,865,506)	(815,942,534)
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>672,862,021</b>	<b>14,984,121,668</b>
- Trả trước cho người bán	132	<b>7.3</b>	40,478,707	40,478,707
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	<b>7.4</b>	630,335,894	14,943,642,961
- Các khoản phải thu khác	135		2,047,420	
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>157,084,145</b>	<b>205,131,165</b>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>7.5a</b>	152,084,145	205,131,165
- Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7.6</b>	5,000,000	
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>28,982,540,456</b>	<b>12,840,281,736</b>
<b>1. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>2. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,175,567,486</b>	<b>1,341,116,654</b>
2.1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7.7</b>	28,092,500	33,050,000
- Nguyên giá	222		59,490,000	59,490,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31,397,500)	(26,440,000)
2.2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7.8</b>	1,147,474,986	1,308,066,654
- Nguyên giá	228		3,118,500,000	3,118,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,971,025,014)	(1,810,433,346)
2.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7.9</b>	<b>26,928,428,000</b>	<b>11,188,506,000</b>
- Đầu tư dài hạn khác	253		26,928,428,000	11,188,506,000
<b>4. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>878,544,970</b>	<b>310,659,082</b>
- Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>7.5b</b>	543,175,224	42,565,992
- Tài sản dài hạn khác	263	<b>7.10</b>	335,369,746	268,093,090
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>48,855,982,442</b>	<b>51,520,273,533</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	1/1/2026
1	2	3	4	5
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>B</b>			
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>490,283,759</b>	<b>874,201,071</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>490,283,759</b>	<b>874,201,071</b>
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	7.11	159,815,062	75,346,514
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	7.12	186,616,313	192,434,174
5. Phải trả người lao động	315	7.11	96,488,384	374,020,383
6. Chi phí phải trả	316	7.11	32,400,000	232,400,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		14,964,000	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>48,365,698,683</b>	<b>50,646,072,462</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	7.13	75,000,000,000	75,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26,634,301,317)	(24,353,927,538)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>430</b>		<b>48,855,982,442</b>	<b>51,520,273,533</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2026	1/1/2026
1	2	3	4
<b>Chỉ tiêu</b>			-
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>			-
1. Nợ khó đòi đã xử lý		(741,442,372)	(741,442,372)
2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		12,183,900,000	12,183,900,000
2.1. Chứng khoán giao dịch		12,147,900,000	12,183,900,000
2.2. Chứng khoán chờ thanh toán		36,000,000	-
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		1,193,722,381	1,343,425,665
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1,193,722,381	1,343,425,665
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			-
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		986,918,643,740	986,918,643,740
4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		986,918,643,740	986,918,643,740
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		247,119,084	271,722,098

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Hà Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Hà Thị Tuyết Nhung

Lập ngày 17 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ  
HD

Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	01	8.1	1,024,984,824	572,682,774	1,024,984,824	572,682,774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		1,024,984,824	572,682,774	1,024,984,824	572,682,774
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	8.2	1,056,754,650	514,127,533	1,056,754,650	514,127,533
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		-31,769,826	58,555,241	-31,769,826	58,555,241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.3	649,237,202	283,264,557	649,237,202	283,264,557
7. Chi phí tài chính	22	8.4	375,981,365	21,104	375,981,365	21,104
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.5	2,508,155,520	2,303,841,839	2,508,155,520	2,303,841,839
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(2,266,669,509)	(1,962,043,145)	(2,266,669,509)	(1,962,043,145)
10. Thu nhập khác	31					
11. Chi phí khác	32					
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2,266,669,509)	(1,962,043,145)	(2,266,669,509)	(1,962,043,145)
14. Thuế TNDN hiện hành	51					
15. Thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2,266,669,509)	(1,962,043,145)	(2,266,669,509)	(1,962,043,145)
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		(302)	(262)	(302)	(262)

Người lập biểu



Hà Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng



Hà Thị Tuyết Nhung



Lập ngày 17 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý 1 Năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15,296,254,714	805,361,792
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ, và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(951,604,387)	(1,500,157,775)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,446,681,016)	(1,634,517,451)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14,964,000	68,256,866
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(574,773,399)	(376,960,492)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11,338,159,912</b>	<b>(2,638,017,060)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(324,714,286)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2,100,192,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,493,190,000	2,141,041,096
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15,960,071,000)	(500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		626,778,202	280,930,292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14,164,817,084)</b>	<b>(178,220,612)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2,826,657,172)</b>	<b>(2,816,237,672)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>18,286,875,411</b>	<b>29,232,927,281</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61).</b>	<b>70</b>		<b>15,460,218,239</b>	<b>26,416,689,609</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)


Hà Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)


Hà Thị Tuyết Nhung

32 Lập ngày 17 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50,000,000,000	75,000,000,000	25,000,000,000				75,000,000,000	75,000,000,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(24,559,288,007)	(24,353,927,538)		1,962,043,145		2,280,373,779	-26,521,331,152	-26,634,301,317
<b>Tổng cộng</b>		<b>25,440,711,993</b>	<b>50,646,072,462</b>	<b>25,000,000,000</b>	<b>1,962,043,145</b>	<b>-</b>	<b>2,280,373,779</b>	<b>48,478,668,848</b>	<b>48,365,698,683</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Thị Tuyết Nhung

Hà Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thành Long



Lập ngày 17 tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty CP Quản lý quỹ HD (tên cũ là Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24/11/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 ngày 24/11/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi gần nhất là thay lần thứ 7 ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2025 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: : 75.000.000.000 (bảy mươi lăm tỷ) đồng.

**Trụ sở chính**

Địa chỉ : Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0 3 0 6 2 7 4 6 9 6

Điện thoại : +84 (028) 999 868 18

**2. Ngành nghề hoạt động**

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

**3. Người đại diện theo pháp luật.**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Trung – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Thành Long – Tổng Giám đốc.

**4 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**4.1 Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**4.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong năm kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

**5 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**5.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

**5.2 Cam kết kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

**5.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**6 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá vốn của chính chứng khoán kinh doanh đó và hạch toán tăng doanh thu tài chính kể từ ngày mua. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6.3 Các khoản phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**6.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

**6.5 Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình và vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phần mềm máy tính	05

### ***Phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

## **6.6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

## **6.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của các cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## **6.8 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Doanh thu từ cổ tức được chia được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **6.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### **▪ Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

### **▪ Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **6.10 Bên liên quan**

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****7.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2026 VNĐ	01/01/2026 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	-	-
Tiền gửi ngân hàng	8.404.963.455	9.286.875.411
Tiền và các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	7.055.254.784	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.460.218.239</b>	<b>18.286.875.411</b>

**7.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/03/2026 VNĐ	01/01/2026 VNĐ
- Giá gốc các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.622.143.087	<b>6.019.806.087</b>
+ Công ty CP Chứng khoán MB (MBS)	1.798.576.300	1.798.576.300
+ Cổ phiếu niêm yết.	2.823.566.787	4.221.229.787
Dự phòng giảm giá	(1.038.865.506)	(815.942.534)
<b>Cộng</b>	<b>3.583.277.581</b>	<b>5.203.863.553</b>

**7.3 Trả trước cho người bán**

	31/03/2026 VNĐ	01/01/2026 VNĐ
- Trả trước cho người bán (Fincorp)	40.000.000	40.000.000
- Trả trước cho các người bán khác	478.707	478.707
<b>Cộng</b>	<b>40.478.707</b>	<b>40.478.707</b>

**7.4 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/03/2026 VNĐ	01/01/2026 VNĐ
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	247.119.084	271.722.098
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	346.816.810	335.520.863
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	36.400.000	14.336.400.000
<b>Cộng</b>	<b>630.335.894</b>	<b>14.943.642.961</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**7.5 Chi phí trả trước**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>152.084.145</b>	<b>205.131.165</b>
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước	152.084.145	205.131.165
<b>b. Dài hạn</b>	<b>543.175.224</b>	<b>42.565.992</b>
Sửa chữa văn phòng	397.771.735	-
Thiết lập mới trang Web hdcap.vn	85.500.000	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước	59.903.489	42.565.992
<b>Cộng</b>	<b>695.259.369</b>	<b>247.697.157</b>

**7.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
- Tạm ứng nhân viên	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>

**7.7 Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu kỳ	59.490.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>59.490.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	26.440.000
Khấu hao trong kỳ	4.957.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.397.500</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	33.050.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.092.500</b>

**7.8 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	3.118.500.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.118.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

	<b>Phần mềm máy tính</b>	
Số đầu năm	1.810.433.346	
Khấu hao trong năm	160.591.668	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.971.025.014</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	1.308.066.654	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.147.474.986</b>	

  

7.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/03/2026		01/01/2026	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Trái phiếu	220.719	25.928.428.000	99.719	10.188.506.014
Góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Tiềm năng theo Quyết định số 03.25/QĐ-HDCAP ngày 15/11/2024	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>320.719</b>	<b>26.928.428.000</b>	<b>199.719</b>	<b>11.188.506.014</b>

  

7.10 Tài sản sản dài hạn khác	31/03/2026		01/01/2026	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Ký quỹ, ký cược		335.369.746		268.093.090
<b>Cộng</b>		<b>335.369.746</b>		<b>268.093.090</b>

  

7.11 Nợ ngắn hạn	31/03/2026		01/01/2026	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Phải trả người bán		159.815.062		75.346.514
Phải trả người lao động		96.488.384		374.020.383
Phí kiểm toán năm 2025		32.400.000		232.400.000
<b>Cộng</b>		<b>288.703.446</b>		<b>681.766.897</b>

  

7.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	-Thuế GTGT	-	-	-	-	-
-Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNCN	192.434.174	-	195.902.190	(201.720.051)	186.616.313	-
<b>Cộng</b>	<b>192.434.174</b>	<b>-</b>	<b>195.902.190</b>	<b>(201.720.051)</b>	<b>186.616.313</b>	<b>-</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**7.13 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Phạm Văn Đầu	39.000.000.000	52.00	39.000.000.000	52.00
- Các chủ sở hữu khác	36.000.000.000	48.00	36.000.000.000	48.00
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100.00</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100.00</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	75.000.000.000	75.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.000.000.000	75.000.000.000

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**7.14 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.343.425.665</b>	<b>400.079.753</b>
<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>9.183.408.538</b>	<b>1.332.891.283.294</b>
- Nhận vốn ủy thác	-	665.910.000.000
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	868.632	73.657.130
- Nộp tiền thanh toán phí	95.939.906	613.665.164
- Thu từ nhận cổ tức	9.086.600.000	11.038.336.000
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	655.255.625.000
<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>9.333.111.822</b>	<b>1.331.947.937.382</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

- Phí quản lý tài khoản. phí khác	346.511.822	2.725.396.210
- Chi tiền mua chứng khoán	-	557.048.260.000
- Rút vốn ủy thác. lãi	8.986.600.000	772.174.281.172
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.193.722.381</b>	<b>1.343.425.665</b>

**7.15 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
<b>a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>986.918.643.740</b>	<b>1.448.454.520.540</b>	<b>461.535.876.800</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>680.627.420.000</b>	<b>1.144.767.296.800</b>	<b>464.139.876.800</b>
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - SIP	145.523.590.000	218.546.056.800	73.022.466.800
TCP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam - VRG	27.600.000.000	13.680.000.000	(13.920.000.000)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.454.230.000	1.300.000.000	(154.230.000)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí-PET	506.049.600.000	911.241.240.000	405.191.640.000
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>306.291.223.740</b>	<b>303.687.223.740</b>	<b>(2.604.000.000)</b>
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (*)	3.000.000.000	396.000.000	(2.604.000.000)
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	200.000.000.000	200.000.000.000	-
<b>b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>986.918.643.740</b>	<b>1.448.454.520.540</b>	<b>461.535.876.800</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
<b>a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>986.918.643.740</b>	<b>1.134.761.240.140</b>	<b>147.842.596.400</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>680.627.420.000</b>	<b>830.750.016.400</b>	<b>150.122.596.400</b>
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - SIP	145.523.590.000	187.835.336.400	42.311.746.400
TCP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam - VRG	27.600.000.000	14.400.000.000	(13.200.000.000)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.454.230.000	1.250.000.000	(204.230.000)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí-PET	506.049.600.000	627.264.680.000	121.215.080.000
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>306.291.223.740</b>	<b>304.011.223.740</b>	<b>(2.280.000.000)</b>
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBank) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (*)	3.000.000.000	720.000.000	(2.280.000.000)
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	200.000.000.000	200.000.000.000	-
<b>b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>986.918.643.740</b>	<b>1.134.761.240.140</b>	<b>147.842.596.400</b>

(\*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường. giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

**7.16 Các khoản phải trả của NĐT ủy thác.**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Phí quản lý danh mục	247.119.084	271.722.098
<b>Cộng</b>	<b>247.119.084</b>	<b>271.722.098</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

**8 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****8.1 Doanh thu**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VNĐ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VNĐ
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	393.365.622	340.550.000
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	109.200.000	109.200.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	522.419.202	122.932.774
<b>Cộng</b>	<b>1.024.984.824</b>	<b>572.682.774</b>

**8.2 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

Là chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VNĐ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VNĐ
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	1.056.754.650	514.127.533
<b>Cộng</b>	<b>1.056.754.650</b>	<b>514.127.533</b>

**8.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VNĐ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.596.204	6.127.984
Lãi từ cổ tức, trái tức	51.789.864	277.136.573
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	571.851.134	-
<b>Cộng</b>	<b>649.237.202</b>	<b>283.264.559</b>

**8.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VNĐ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VNĐ
Lỗ do đầu tư chứng khoán	147.081.000	-
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	222.922.972	-
Chi phí tài chính khác	5.977.393	21.104
<b>Cộng</b>	<b>375.981.365</b>	<b>21.104</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

8.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.508.155.520	2.303.841.839
<b>Cộng</b>	<b>2.508.155.520</b>	<b>2.303.841.839</b>

Trong kỳ kế toán Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu



**HÀ THỊ TUYẾT NHUNG**

Kế toán trưởng



**HÀ THỊ TUYẾT NHUNG**

Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THÀNH LONG**